

NGƯỜI CHĂM VÀ VĂN HÓA CHĂM Ở VIỆT NAM TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI MỘT SỐ TỘC NGƯỜI, QUỐC GIA KHÁC Ở KHU VỰC CHÂU Á

PGS.TS. Trương Văn Món (Sakaya)

(Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH và NV, ĐHQG TPHCM)

vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn

TÓM TẮT: Với góc nhìn Nhân học văn hóa, bài viết này giới thiệu tổng quan về người Chăm và di sản văn hóa Chăm ở Việt Nam cũng như mối quan hệ của họ với một số tộc người và quốc gia khác trong khu vực châu Á trong lịch sử. Người Chăm và văn hóa Chăm ở Việt Nam trong suốt quá trình hình thành và phát triển rất đa dạng, chuyên đề này cố gắng trình bày rất cụ thể từng nhóm Chăm gắn với những đặc trưng văn hóa khác nhau của mỗi nhóm như Chăm Jat (Chăm gốc), Chăm Ahiér (Chăm ảnh hưởng Bàlamôn), Chăm Bani/ Awal (Chăm ảnh hưởng Islam giáo) và Chăm Islam chính thống. Tuy nhiên, bài viết này không nhìn các nhóm Chăm một cách tách biệt mà luôn xem xét họ trong mối quan hệ, tương tác lẫn nhau đồng thời gắn các nhóm Chăm trong mối quan hệ với một số dân tộc, quốc gia ở khu vực châu Á. Từ đó phác họa ra tổng thể nền văn hóa Chăm trong quá trình vận động và phát triển từ truyền thống đến hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa: người Chăm, văn hóa Chăm, quan hệ, Việt Nam, châu Á

1. MỞ ĐẦU

Người Chăm là một trong những tộc người của vương quốc Champa cổ ở miền Trung – Việt Nam, biên giới kéo dài từ dãy Hoành Sơn (Quảng Bình) đến phía Bắc sông Đồng Nai (Biên Hòa). Vương quốc này được thành lập vào thế kỷ II SCN và hội nhập vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam thống nhất vào đầu thế kỷ XIX (1832). Hiện nay người Chăm có số dân khoảng 179,987 người sinh sống ở nhiều địa phương khác nhau như Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh (số liệu 4/2019). Trong quá trình tồn tại, ngoài văn hóa bản địa, người Chăm còn tiếp thu nhiều nền văn minh khác nhau như văn minh Ấn Độ và văn minh Islam giáo (Ả Rập và Mã Lai) để sáng tạo nên văn minh rực rỡ một thời ở miền Trung – Việt Nam. Hiện nay, người Chăm vẫn còn sở hữu di sản của các nền văn minh này. Cụ thể, bên cạnh 250 đền tháp (Chăm Balamôn) còn rải rác ở các tỉnh miền Trung và khoảng 58 thánh đường (Chăm Islam) ở Nam Bộ, người Chăm còn có nhiều phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, nghi lễ, hội hè, nghệ thuật ca múa nhạc truyền thống đặc sắc. Những di sản này đóng góp quan trọng, làm phong phú di sản văn hóa của đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Ngay từ đầu thế kỷ XIX, những nhà nghiên cứu đã bắt tay nghiên cứu văn hóa- lịch sử Champa. Theo thống kê của P-B. Lafont, từ đầu thế kỷ XIX đến nay đã có hơn 1.055 công trình nghiên cứu về Champa (P-B, Lafont et Po Dharma 1989). Trong phạm vi chuyên đề này, với góc nhìn Nhân học văn hóa, cụ thể bằng phương pháp pháp điền dã, phân tích văn bản, cùng với hệ thống lý thuyết như lý thuyết sinh thái của Julian Steward, thuyết đặc thù luận lịch sử (F. Baos), thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa của các nhà Nhân học Mỹ (Alan Barnard 2015; Nhiều tác giả

2006), chúng tôi sẽ giới thiệu tổng quan về người Chăm và văn hóa Chăm cũng như mối quan hệ của họ với các tộc người ở một số quốc gia khu vực châu Á.

2. NGUỒN GỐC TỘC NGƯỜI VÀ CÁC NHÓM CHĂM Ở VIỆT NAM

2.1. NGUỒN GỐC TỘC NGƯỜI

Theo tài liệu khảo cổ học, các hài cốt thời thượng cổ được tìm thấy trên Tây Nguyên nằm về phía tây của dãy Trường Sơn là những hài cốt của người bản địa tiền Mã Lai (Proto-Malais) có sọ đầu dài (dolichocé phales) với thân hình vạm vỡ. Ngay từ thời kỳ đá mới (Néolithique), họ là dân bản địa Đông Dương (Proto-Indochinois) duy nhất đã từng làm chủ khu vực Tây Nguyên và tồn tại cho đến giữa thế kỷ XX. Bên cạnh đó, người ta cũng tìm thấy các hài cốt ở vùng ven biển có nguồn gốc nằm trong thành phần dân bản địa tiền Mã Lai (Proto - Malais) có đầu dài và di trú đến Champa đợt thứ hai nhưng lại pha trộn với một số yếu tố của chủng tộc Mông Cổ do các người nhập cư gốc Trung Hoa mang đến. Vào thời kỳ đá mới (néolithique), sau khi tiếp thu nhiều nguồn văn minh của thời tiền sử vào đầu kỷ nguyên Tây lịch, những người bản địa tiền Mã Lai (Proto - Malais) này đã trở thành người Champa (P-B. Lafont 2011:48-49).

Tóm lại, theo tài liệu nhân chủng học của Nguyễn Đình Khoa cho biết, người Chăm thuộc loại hình nhân chủng Indonesian với những đặc điểm sau: Tầm người trung bình; hộp sọ ngắn, rộng ngang, dạng mặt ngắn; cánh mũi rộng vừa phải, môi dày; mắt mí góc ít xiên; tóc uốn làn sóng (Nguyễn Đình Khoa 1983: 58).

Vậy người Mã Lai - Đa Đảo đến Champa bằng đường nào? Cho đến nay có nhiều giả thuyết khác nhau cho rằng: R. Heine Geldern cho rằng người Mã Lai - Đa Đảo từ Đông Nam Trung Hoa đến Việt Nam. W.Solheim II cho rằng, nguồn gốc xuất phát của tộc người Mã Lai - Đa Đảo từ quần đảo Đông Nam Á. M. Colani cho rằng: Nguồn gốc người Champa từ cánh đồng Chum của Lào tiến về vùng miền Trung Việt Nam sinh sống. Gần đây tác giả Geetesh Sharma cho rằng “Nhân chủng của họ [Chăm] chính là Ấn Độ, vậy mà hầu hết các nhà sử học đều nhầm gọi là chủng Austroasian (Nam Á)”; “Có thể nói một cách chắc chắn rằng các vị vua chúa này [Champa] là những hậu duệ trực tiếp của tông tộc Ấn Độ”; “Chúng ta đi đến kết luận một cách chắc chắn rằng dân tộc Chăm có gốc rễ Ấn Độ” (Geetesh Sharma 2011: 36, 47, 63)

Tổng hợp những người tài liệu trên, chúng tôi cho rằng cư dân Champa là cư dân bản địa sinh sống lâu đời có nguồn gốc Mã Lai - Đa Đảo có thể lai chủng với người Ấn Độ và cả người Ả Rập trong quá trình giao lưu văn hóa, buôn bán và truyền giáo.

2.2. CÁC NHÓM CHĂM VÀ DI SẢN VĂN HÓA

Hiện nay, nếu phân loại theo nhóm tín ngưỡng, tôn giáo thì người Chăm ở Việt Nam có 4 nhóm, cư trú ở những địa bàn khác nhau ở Việt Nam, cụ thể như sau:

2.1.1. CHĂM JAT (CHĂM GỐC)

Từ **Jat** có gốc từ Sanskrit Jati/jata (hiện nay Mã Lai cũng thường dùng từ này) có nghĩa là “nature, real, pure “ (tự nhiên, trong sạch, tinh khiết) (J. Gonda 1973: 97; Từ điển *English-Malay* 2004: 506). Vậy Chăm Jat có nghĩa là Chăm gốc, “Chăm thuần, không lai giống hay theo tôn giáo mới du nhập” (Bùi Khánh Thế 1995: 143). Thuật ngữ này có một số tác giả đã ngộ nhận, chẳng hạn như trong từ điển Cam – Francaice của E. Aymonier – A Cabaton: Từ Jat bên cạnh nghĩa là Chăm gốc, Chăm truyền thống, còn có nghĩa là Chăm Balamôn giáo (Brahmanism) (E. Aymonier – A. Cabaton 1906 :143). Sau này, một số học giả cũng viết theo E. Aymonier rằng, Cham Jat là

Chăm Balamôn giáo. Lưu ý, nhóm Chăm này thường tự gọi họ là "Chăm Ahiér" hoặc "Chăm Matai Cuh" để chỉ Chăm ảnh hưởng Balamôn giáo, chứ không phải "Chăm Jat" là "Chăm Balamôn giáo" như E. Aymonier và A. Cabaton nhận định.

Đặc điểm của nhóm "Chăm Jat" là không theo tôn giáo nào mà chỉ theo tín ngưỡng bản địa, thờ cúng tổ tiên (*muk kei*) kết hợp với tục thờ đa thần như thần đất, thần lúa, thần núi, thần sông ... Khi có người chết thầy cúng (Gru Urang) cử hành tang lễ chôn cất đơn giản trong ngày. Hàng năm nhóm "Chăm Jat" cũng có lịch riêng (một năm chỉ có 10 tháng). Lịch này, ngoài phục vụ lao động sản xuất, còn để xem ngày tháng trong lễ cúng tổ tiên, đám cưới, dựng nhà, làm nhà mới theo phong tục riêng ... Nhóm Chăm này hiện nay có số dân khoảng 8 ngàn người sinh sống ở ba làng như làng Bình Nghĩa (Palei Bal Raya); làng Thành Tín (Palei Danân) và làng Phước Lập (Palei Aia Li-U) tỉnh Ninh Thuận. Họ vẫn còn lưu giữ phong tục tập quán và có cơ thờ tự riêng, đặc biệt ở làng Bình Nghĩa có ba đền thờ (đền thánh mẫu Po Ina Nagar, đền bà Po Bia Chuai, đền Ché Bông Nga). Hiện nay nhóm Chăm này có xu hướng ảnh hưởng Chăm Ahiér (Sakaya 2022).

2.2.2. CHĂM AHIÉR (CHĂM CUH HAY CHĂM AKAPHIR)

"Chăm Cuh", "Chăm Ahiér" hay "Chăm Akhafir" là những tên gọi khác nhau để chỉ một nhóm Chăm mà nhà khoa học hay gọi là nhóm "Chăm Balamôn", "Chăm ảnh hưởng Balamôn giáo" hay "Chăm theo Islam giáo sau". Cụ thể ngữ nghĩa và nội hàm của những từ gốc, tên tự gọi này cụ thể như sau:

Chăm Cuh (Chăm Thiêu): Xét về ngữ nghĩa theo ngôn ngữ Chăm thì "Chăm Cuh" có nghĩa là "Chăm thiêu", khi chết thì được hỏa táng, tục này ảnh hưởng từ đạo Balamôn (Ấn Độ). Danh từ "Chăm Cuh" để khu biệt với "Chăm Matai Dar" (hay Chăm Bani/Chăm Awal) khi chết có tục hỏa táng ảnh hưởng đạo Islam.

Chăm Ahiér (Chăm Ảnh Hưởng Balamôn) : Đây là danh từ ghép gốc Chăm - Ả Rập. Từ "Ahiér" có gốc từ Ả Rập là Akhir, người Chăm đọc chệch âm thành "Ahiér", có nghĩa là "cuối, đười, sau," ám chỉ người "Chăm Cuh" (Chăm thiêu), ngoài tín ngưỡng bản địa, ảnh hưởng Balamôn giáo, còn tin theo Islam, phụng sự đấng Allah sau so với Chăm Awal (Muhd Farhan Basheer 2005: 8 ; Từ điển *English – Malay Dictionary* 2004: 415).

Chăm Akaphir/Akapiér (Chăm Ngoại Đạo): Từ *akaphir/akapiér* có gốc từ Ả Rập là *kaafir* có nghĩa là "người không theo đạo" (infidel, unbeliever), để chỉ những người không phải là người Islam (non-Muslim) (Muhd Farhan Basheer 2005 : 150; *English – Malay Dictionary* 2004: 514 ; E. Aymonier – A. Cabaton 1906: 2)

Mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau như "Chăm Ahiér" hay "Chăm Cuh" nhưng tên thường gọi của họ là "Chăm Ahiér". Hiện nay nhóm Chăm này có hơn 90 ngàn người sinh sống chủ yếu ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tôn giáo của họ có cơ sở thờ tự riêng, có hệ thống giáo lý, giáo luật, giáo lịch, tu sĩ riêng hàm chứa cả yếu tố bản địa, ảnh hưởng Balamôn giáo và cả Islam giáo. Cụ thể nhóm Chăm này có khoảng 250 đền tháp là cơ sở thờ tự riêng và có khoảng gần 200 tu sĩ, chức sắc như Po Adhia, Basaih, thầy cúng dân gian như Maduen, Kadhar, Kaing, Muk Raja, Gru Urang... Tất cả tầng lớp tu sĩ, tín đồ đều kiêng thịt bò, thịt heo. Giáo lý của nhóm Chăm này được biết qua các bài ghi trong văn bản lá buông gọi là Agal Bac; những bài hướng dẫn hành lễ (*danak ngap yang*); các bài hát lễ (*danak adaoh yang*); giáo luật (*adat cam*); giáo lịch riêng (Sakawai Ahiér). Về tín đồ, khi đến tuổi trưởng thành, gia đình phải làm trình báo thần yang (*ngap*

manuk ka yang) hoặc cho đấng Allah (*ngap pabaiy ka Po*) và khi chết được thầy Gru Urang làm lễ nghi chôn cất theo nghi thức bản địa, sau đó thầy Basaih cử hành làm đám thiêu. Sau khi thiêu, lấy 9 miếng xương trán để làm nghi lễ cúng tuần (*patrip*) và cuối cùng là lễ nhập Kut. Nhóm này còn có tục thờ cúng tổ tiên (*muk kei*); tục thờ đa thần như thần đất, thần sông, thần lúa, thần biển, thần núi ...; thờ các vị thần linh dân tộc ở đền tháp như Po Ina Nagar, Po Klaong, Po Romé và thờ luôn cả thần Sibai (Shiva) và đấng Awluah (Allah). Hàng năm thường tổ chức lễ nghi, hội hè như lễ cúng ở đền tháp, nổi bật nhất là lễ Katé; lễ Raja ở các làng; lễ nghi nông nghiệp ở đồng ruộng và lễ cúng biển ở các cửa biển (Phan Đăng Nhật 2003; Sakaya 2008, 2016, 2018, 2020).

2.2.3. CHĂM MATAI DAR (CHĂM BANİ HAY CHĂM AWAL)

"Chăm Matai Dar", "Chăm Bani" hay "Chăm Awal" là những tên gọi khác nhau để chỉ một nhóm Chăm mà nhà khoa học hay gọi là "Chăm Hồi giáo Bani", "Chăm ảnh hưởng Hồi giáo" hay "Chăm Hồi giáo cũ". Sau đây là ngữ nghĩa và nội dung cụ thể của những danh từ, tên gọi này:

Chăm Matai Dar (Chăm Chôn, Thổ Táng): Đây là danh từ gốc Chăm nhưng ít được dùng trong văn bản, chỉ phổ biến trong dân gian dùng để chỉ "Chăm Bani/Awal" có phong tục thổ táng người chết (*matai dar*: chết chôn) có ảnh hưởng từ đạo Islam để khu biệt với "Chăm Cuh/Ahiér" (Chăm thiêu), ảnh hưởng đạo Bàlamôn.

Chăm Bani (Bini/ Beni): Đây là danh từ ghép gốc Chăm - Ả Rập. Từ "Chăm" có gốc ngôn ngữ Chăm chỉ "người Chăm", còn từ "bani/bini/ beni " có gốc Ả Rập nghĩa là: "đứa con trai, tức là con của đấng tối cao" của đạo Islam" (E. Aymonier 1891, 2001: 29). Tuy nhiên người Chăm lại thường dùng từ "bani/bini/ beni " để chỉ "phái nữ - thuộc Awal" đối lập với "Ahiér – phái nam" (M, Durand 1903: 26) và Mã Lai cũng vậy, từ *Bani/Bin* chỉ phái nữ (*English – Malay Dictionary*, Sđd: 434).

Chăm Awal: Đây là danh từ ghép gốc Chăm - Ả Rập. Từ "Awal" có gốc Ả Rập nghĩa là "trước, đầu, sớm" ám chỉ là "Chăm Madai Dar/ Chăm Bani" tin theo Islam giáo, phụng sự Allah trước so với "Chăm Ahiér" (Muhd Farhan Basheer 2005 : 20; *English – Malay Dictionary*, Sđd: 404).

Mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau nhưng tên thường gọi của họ là "Chăm Bani hay Chăm Awal". Nhóm Chăm này hiện nay có khoảng 59.346 người (Ninh Thuận khoảng 34.311 và Bình Thuận 25.035). Nhóm Chăm này có cơ sở thờ tự riêng (14 thánh đường), có hàng ngũ tu sĩ, chức sắc riêng như Po Gru, Acar, thầy cúng dân gian như Maduen, Kadhar, Kaing, Muk Raja, Gru Urang ... Tất cả tầng lớp tu sĩ, tín đồ đều kiêng thịt heo. Giáo lý của nhóm Chăm này được biết qua kinh Qur'an, triết lý Sakkarai Po Kuk và sách hướng dẫn hành lễ là "*tapuk patal*"; giáo luật (*adat Chăm*); giáo lịch riêng (Sakawi Awal). Về tín đồ khi đến tuổi trưởng thành, gia đình phải làm lễ Kareh (đối với nữ) và lễ Katat (đối với nam); lễ Pakhah (lễ cưới) và khi chết được tu sĩ Po Acar tiến hành làm tang lễ (Padhi). Khi chôn cất, mộ được đào sâu, hướng mặt thi hài về hướng Tây, hướng thánh địa Mecca (Makkah). Nhóm này, ngoài tôn thờ đấng Allah ở thánh đường (*sang magik*) còn có tục thờ cúng tổ tiên (*muk kei*); tục thờ đa thần như thần đất, thần sông, thần lúa, thần biển, thần núi; thờ cúng vị thần linh dân tộc ở đền tháp như Po Ina Nagar, Po Klaong, Po Romé. Hàng năm thường làm lễ nghi ở thánh đường, nổi bật nhất là lễ Ramawan; lễ Raja ở các làng; lễ nghi nông nghiệp ở đồng ruộng và các lễ nghi ở vùng biển. (Phan Đăng Nhật 2003; Sakaya 2008, 2016, 2018, 2020, Sđd).

2.2.4. CHĂM ISLAM, MUSLIM (CHĂM BARAU):

ISLAM: Đây là gốc từ Ả Rập có nghĩa là “Quy phục thượng đế”. Trong văn bản Chăm vùng Panduranga thỉnh thoảng còn xuất hiện từ Asulam do đọc chệch âm từ Islam mà ra (VMST.19).

MUSLIM (muslimin, mulsuman): Từ này có gốc Ả Rập có nghĩa là “những người thuần phục Allah” (Thiên kinh Qur’an, Sđd, Surah 3, tr. 58) hoặc “những kẻ đã quy phục thượng đế” và ngày nay được hiểu là “người theo đạo Islam” (Will Durant 2004: 27)

BIRAU: Gốc từ tiếng Chăm có nghĩa là “mới”; “Chăm Birau” có nghĩa là “Chăm mới” (chỉ Chăm theo Islam giáo) để phân biệt với các nhóm “Chăm cũ” (Chăm klak) bao gồm Chăm Ahiér và Chăm Bani/ Awal.

Đạo Hồi (Hồi Giáo): Đây là danh từ xuất phát từ cách gọi của người Trung Quốc dùng để chỉ dân tộc Hồi Hồi (Hồi Hột) theo đạo Islam. Đây là dân tộc thiểu số đông dân thứ nhì (khoảng 8 triệu người) sống ở vùng Tây Bắc - Trung Quốc giáp giới với Cộng hòa Trung Á và Afghanistan (Th. van Baaren 2004: 19). Hiện nay còn có khoảng 10 ngàn người Chăm theo đạo Islam đang sinh sống ở hai làng Huihui (Hồi Sinh) và Huizing (Hồi Tân) ở thành phố Sanya (Tam Á), đảo Hải Nam cũng được người Trung Quốc gọi là người Hồi Hồi (Trương Văn Món 2020: 13-18)¹. Theo đó, người Việt cũng vay mượn luôn danh từ Hồi giáo từ Trung Quốc để chỉ người theo đạo Islam ở Việt Nam. Đây không phải là tên tự gọi nên người Chăm ít dùng. Tên tự gọi của nhóm Chăm này là “Chăm Islam hay Chăm Muslim”.

Nhóm Chăm này mong muốn các dân tộc khác cũng như nhà nước không nên gọi họ là Chăm Hồi giáo mà nên gọi họ theo tên tự gọi là “Chăm Islam” hay “Chăm Muslim”. Hiện nay họ sinh sống chủ yếu ở vùng Nam Bộ (khoảng 36.514 người) và ở Ninh Thuận (khoảng 2.827 người) (số liệu thống kê 4/2019). Họ có hàng ngũ chức sắc riêng như Hakem, Kotip, Imam và khoảng 58 thánh đường (Masjib) để tín đồ cầu nguyện thường xuyên một ngày năm lần như đạo Islam trên thế giới. Họ có giáo lý là kinh Qur’an, giáo luật *Shari’ah* và sử dụng lịch Hajri của Islam. Về tín đồ khi đến tuổi trưởng thành thì làm lễ Kareh đối với nữ và Katat đối với nam; khi kết hôn thì làm lễ cưới (Pakhah); khi chết được cử hành tang lễ, chôn cất theo phong tục người Muslim. Hàng năm, họ thường tổ chức nhiều nghi lễ ở thánh đường, nổi bật nhất là lễ Ramadam và chỉ tôn thờ duy nhất đấng Allah và thiên sứ Muhammad. Họ thường đọc kinh Qur’an ở thánh đường hoặc ở nhà và thực hiện đúng năm giáo điều của Islam để lại đó là: 1) Shahadah (đức tin); 2) Salah (cầu nguyện); 3) Ramadan (lễ tháng 9); 4) Zakat (bố thí); 5) Haji (hành hương). (E, Durand 1903: 54 62 ; Nguyễn Văn Luận 1974: 193-194; Phú Văn Hãn 2005: 66-73; Sakaya 2008: 119-126).

3. CÁC MỐI QUAN HỆ TỘC NGƯỜI VÀ VĂN HÓA

Trong suốt quá trình tồn tại, Champa không chỉ có mối quan hệ giữa tộc người, các nhóm tôn giáo với nhau mà còn có quan hệ nhiều với một số dân tộc, quốc gia khác nhau ở khu vực châu Á. Ngay từ buổi đầu lập quốc, Champa đã có mối quan hệ sớm với Trung Quốc, Đại Việt, Nhật Bản, Indonesia, Mã Lai, Campuchia, Thái Lan và Ả Rập. Tùy theo thời gian, bối cảnh lịch sử, Champa có mối quan hệ với các dân tộc, ở quốc gia khu vực ở mức độ khác nhau, cụ thể như sau:

3.1. MỐI QUAN HỆ NỘI BỘ CÁC NHÓM CHĂM

3.1.1. MỐI QUAN HỆ GIỮA CHĂM AHIÉR VÀ CHĂM BANI/WAL

¹ Bài này là kết quả nghiên cứu, điền dã của chúng tôi (Trương Văn Món, Shine Toshihiko và Basiron) tại đảo Hải Nam – Trung Quốc tháng 7/2019) do quỹ của Đại học Kagoshima, Nhật Bản tài trợ.

Hai nhóm Chăm Ahiér và Chăm Bani/Awal ngay buổi đầu tiếp nhận Islam có xung đột nhau gay gắt. Bằng chứng của sự xung đột này được ghi trong hai tác phẩm văn chương Chăm nổi tiếng: *Ariya Um Marup* và *Ariya Bini- Chăm* (Inrasara 1996; Po Dharma 2007). Để hóa giải sự xung đột này, tiến tới hòa bình, ổn định đất nước thời đó, vua Po Romé (1627-1651) đã dung hòa hai nhóm Chăm này thành cặp đôi theo triết lý bản địa. Sự thay đổi này không chỉ dừng ở tên gọi (Chăm Ahiér và Chăm Awal) mà còn thay đổi nhân sinh quan và vũ trụ quan, từ đó hình thành nên triết lý mới, “triết lý kép” mang tính dung hòa gọi là: “triết lý Ahiér – Awal”. Chăm Awal (nhóm Chăm ảnh hưởng Islam trước) tượng trưng cho cái/ nữ/ vợ và Chăm Ahiér (nhóm Chăm ảnh hưởng Islam sau) tượng trưng đực/nam/chồng. Triết lý này mang tính lưỡng nghi, lưỡng hợp, trong Ahiér có Awal và trong Awal có Ahiér và rất nhất quán thể hiện sâu sắc trên các bình diện văn hóa – tôn giáo Chăm như sau:

-Triết lý Po Kuk là kết quả của sự dung hòa giữa triết lý Sakkarai Po Ina Nagar của Chăm Ahiér và Po Allah của Chăm Awal (Sakaya 2018).

-Biểu tượng Homkar (số 6 là Awal và số 3 là Ahiér). Nguyên thủy của Homkar có nguồn gốc Ấn Độ xuất hiện trên bia ký đền tháp Chăm từ trước thế kỷ V trở đi không có hình tượng số 3 và số 6, nhưng đến thời vua Po Romé (thế kỷ XVII) Homkar xuất hiện như là biểu tượng kép ở bia đá Linga trên nóc tháp Po Romé có số 3 và số 6 biểu hiện tư duy kép: số 3 tượng trưng cho Chăm Ahiér và số 6 tượng trưng cho Chăm Awal (số 6 là ngày Muhammad) (Sakaya 2003).

-Hệ thống thần linh kép (Po Yang Aklak/thần cũ và Po Barau/thần mới): Hiện nay, trong tục cúng tế người Chăm Ahiér và Awal luôn cầu cúng hai hệ thống thần linh. Thần linh cũ (*yang klak*) là những vị thần Chăm Ahiér có ảnh hưởng Bàlamôn giáo như Siba (Shiva), Po Ina Nagar, Po Klaong Garai, Po Romé...; thần linh mới (*yang barau*) bao gồm vị thần Islam và những vị thần Chăm có ảnh hưởng Islam như Po Allah, Muhammad, Ali, Phatimah, Po Tang, Po Gahlau, Po Riyak (Sakaya 2008, 2020)

- Tên các vị vua- thần Chăm ảnh hưởng Ấn giáo như Sri, Jaya, Indra, Rudra (Sri Jaya Sinhavarman Déwa, Indravarman, Rudravarman) sau thế kỷ XV đã biến mất nhường chỗ cho các danh xưng bắt đầu bằng từ “Po, Pu”, có nguồn gốc từ “Abu” của Islam. Vua Po Romé và các tướng lĩnh, các nhà hiền triết, tôn giáo Chăm thời kỳ này như Po Rayak, Po Hanim Par đã từng đến học triết lý, bùa phép, chiến lược quân sự ở Mã Lai (Makah). Vua Po Romé có tên Islam - Mã Lai là Po Cahya cúng trong lễ Raja và tên Po Romé là tên cúng cơm trong đền tháp Chăm Ahiér...

-Hệ thống tu sĩ kép (Po Acar - Basaih): Po Acar thờ cúng phụng sự Allah ở thánh đường (*sang magik*) của cộng đồng Chăm Awal; Po Basaih phụng sự thần linh cũ (thần Siba/Shiva) cả thần linh mới Allah ở đền tháp (*bimong*) trong cộng đồng Chăm Ahiér, tục cúng lễ trong dịp Katé tại tháp Po Klaong Garai và Po Romé có cả Chăm Ahiér và Chăm Awal tham gia (xem *Tiểu sử Damnay Po Akaok Ndik*, Sakaya 2018).

- Trang phục kép (áo tu sĩ Po Acar – tu sĩ Basaih); Tu sĩ Po Acar - phái Chăm Awal mặc áo dài trắng, cổ tròn tượng trưng cho nữ và đeo chùm vải trước ngực hình dương vật tượng trưng cho nam; áo thầy Basaih – phái Chăm Ahiér mặc áo dài màu trắng cổ hình trái tim tượng trưng cho nam và đeo túi hình âm vật tượng trưng cho nữ. Rõ ràng cả hai bộ áo của tu

sĩ Po Acar và tu sĩ Basaih vừa biểu trưng cho nam (Chăm Ahiér) vừa biểu trưng cho nữ (Chăm Awal), không tách rời mà chuyển hóa hội nhập lẫn nhau (Sakaya 2012: 83-85).

-Trong cộng đồng Chăm còn có các thầy cúng khác như Gru Urang và thầy Maduen là cầu nối cho hai môn phái Chăm Ahiér và Chăm Awal. Các thầy Maduen phụng sự luôn cả thần cũ (*yang klak*) của Chăm Ahiér và thần mới (*yang biaw*) của Chăm Awal. Bài đọc kinh cúng lễ của Gru Urang cũng vậy, thường cầu luôn hai vị thần: Shiva (*di ong nama sibai kayong*) và Po Allah (đấng Allah), công nhận Allah là đấng của tôi (*Illah po kau*) khi hành lễ. Thầy Maduen và Gru Urang có mặt ở hai cộng đồng Chăm Ahiér và Awal (Trương Văn Món, 2020a).

-Cộng đồng Chăm Ahiér và Awal sử dụng chung lịch kép gọi là Sakawi (Sakawi = Saka (lịch Ấn Độ) + Jawi (lịch Islam) (Sakaya 2016: 34)

-Lễ hội (Katé - Ramawan). Lễ Katé do cộng đồng Chăm Ahiér (basaih) tổ chức chính ở đền tháp, cộng đồng Chăm Awal tham gia dâng lễ và ngược lại lễ Ramawan do cộng đồng Chăm Awal (Po Acar) cúng lễ chính ở thánh đường (*sang magik*), cộng đồng Chăm Ahiér tham gia dâng lễ ở thánh đường (Sakaya 2014: 192-193).

-Nơi thờ cúng Chăm Ahiér và Awal là cả đền (*danaok*) – tháp (*bimong*) – thánh đường (*sang magik*). Tháp (*bimong*) thường tọa làng trên địa bàn Chăm Ahiér, dùng để cúng những thần linh như Siba (Shiva) và những vị anh hùng dân tộc như Po Nagar, Po Klaong Garai, Po Romé. Thánh đường (*sang magik*) ở các làng Chăm Bini/Awal dùng để phụng sự đấng Allah. Riêng đền thờ (*danaok*) thường có mặt ở hầu hết các làng Chăm, kể cả Chăm Ahiér và Chăm Awal, chủ yếu để thờ cúng những vị thần Chăm ảnh hưởng Islam giáo như Po Nai, Po Rayak, Po Haniim Par, Po Klaong Kasat, Po Klaong Barau... Đền (*danaok*) chính là cầu nối trong triết lý kép giữa đền tháp và thánh đường Chăm, trong quá trình dung hòa giữa tín ngưỡng bản địa, tàn dư Ấn giáo và Islam giáo (Sakaya 2014a: 50-51).

Hội đồng tôn giáo Chăm là hội đồng chung cho cả bảy thánh đường ba tháp (*tajuh halau klau bimong*) ở Ninh Thuận và ở Bình Thuận cũng vậy. Từ thời Po Romé, người Chăm ở mỗi vùng chỉ có một hội đồng tôn giáo trên nhằm cô kết dung hòa giữa hai tôn giáo này với nhau, tránh việc phân chia riêng lẻ, cát cứ mà đối đầu nhau, dẫn đến sự xung đột tôn giáo như đã từng xảy ra trong quá khứ lịch sử. Tuy nhiên thế hệ ngày nay không biết vai trò và ý nghĩa này nên trong giai đoạn (2006 – 2010), chính quyền cho tách rời Hội đồng tôn giáo truyền thống Chăm ra làm hai hội đồng riêng biệt: “Hội đồng Sư cả Chăm Hồi giáo Bani” (2006) và “Hội đồng Chức sắc Chăm Bàlamôn” (2010). Hai hội đồng này có con dấu, có trụ sở, kinh phí, nhân sự và có chương trình hành động riêng. Hậu quả của việc thành lập hai đồng này hiện nay rất khó khăn trong việc sinh hoạt, liên kết và hợp tác với nhau trong hoạt động tôn giáo (Sakaya 2017b).

Những vấn đề vừa trình bày trên là những nhân tố (hạt nhân), là chìa khóa quan trọng để hình thành triết lý “Chăm Ahiér - Chăm Awal” nhằm để dung hòa hai nhóm tôn giáo này, tránh việc chia tách mà đối đầu, xung đột nhau như trong quá khứ lịch sử. Triết lý này cũng là cơ sở để vua Po Romé tạo ra sản phẩm của nền văn minh Panduranga có bản sắc riêng so với các tiểu vương quốc phía bắc Champa cổ (như Kauthara, Vijaya, Amaravati).

3.1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI CHĂM VÀ CÁC TỘC NGƯỜI MIỀN NÚI

Vương quốc Champa là một quốc gia đa dân tộc dân tộc bao gồm người Chăm, Raglai, Churu, Êđê, Jarai, Koho, Stieng, Mạ, Cil, Koho Bahnar ... (Bia ký Po Nagar). Trong đó, người Chăm là dân tộc chủ thể sinh sống ở đồng bằng và ven biển, còn các dân tộc anh em khác sống ở Tây Nguyên. Họ có mối quan hệ mật thiết và sống bình đẳng với nhau trên các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội. Vấn đề này được thể hiện qua nhiều nguồn tài liệu khác nhau như khảo cổ học, sử học, dân tộc học mà chúng tôi đã công bố trong nhiều cuốn sách từ năm 2010 đến nay. Chẳng hạn, trong lịch sử Champa có Po Rome, gốc người Churu và Po War Palei (gốc người Raglai) làm vua Champa, những di tích Champa Ấn Độ vẫn còn hiện hữu ở vùng Tây Nguyên có niên đại thế kỷ XIV-XV như tháp Yang Prong (Đắc Lắc), tháp Yang Mum (Gia Lai) và thánh địa Cát Tiên – Lâm Đông (Lâm Đồng); các đồ gia bảo, hệ thống kho tàng Champa đều do người Raglai nắm giữ. Cho đến nay, lễ Katé của người Chăm vẫn còn có người Raglai tham gia (Sakaya 2022)

3.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI CHĂM VÀ CÁC DÂN TỘC, QUỐC GIA KHÁC Ở KHU VỰC

3.2.1. MỐI QUAN HỆ GIỮA CHAMPA VÀ TRUNG HOA

Champa có mối quan hệ với Trung Hoa (Trung Quốc ngày nay), từ rất sớm nhưng chủ yếu là quan hệ chiến tranh và triều cống.

Về chiến tranh, dựa vào tài liệu trong sách Vương quốc Champa của G. Maspero (1928, 2020), chúng tôi xin lược lại những cuộc chiến tranh tiêu biểu giữa Trung Hoa và Champa như sau: Năm 353, Thứ sử Giao Châu (Hoàng tử Trung Hoa) xâm nhập Lâm Ấp (sau này là Champa). Đây là vua Lâm Ấp lúc ấy là Phạm Hùng, Phạm Phật (?). Năm 413, vua Lâm Ấp- Phạm Hồ Đạt bị Đỗ Tuệ Độ (Trung Hoa) chém đầu. Năm 420, Thứ sử khác của Trung Hoa đánh Lâm Ấp, cuối cùng Lâm Ấp triều cống và cầu hoà. Năm 426 Thứ sử Giao Châu của Trung Hoa xâm chiếm Lâm Ấp, bắt được và chém đầu vua Champa là Phạm Dương Mại (tên Champa là Yang Mah) và cướp đi nhiều chiến lợi phẩm khổng lồ. Năm 605, một viên quan kinh lược Trung Hoa đem quân tiến đánh Lâm Ấp, bắt được vua Phạm Chí. Trung Hoa cướp đi 18 bức tượng vàng và nhiều bài vị....

Ngoài quan hệ chiến tranh, để cầu hoà bình trong lịch sử còn ghi nhận Lâm Ấp đã thực hiện nhiều lần triều cống đến Trung Hoa từ thế kỷ II – VIII. Vua Champa là Rudravarman lên ngôi 530, khoảng bốn năm sau (543) vị vua này sang triều cống Trung Hoa. Vua Shambhucarman gửi triều cống vào năm 623, 625, 628. Vua Rudravarman triều cống Trung Hoa vào năm 749. Vua Indravarman III gửi quân triều cống Trung Hoa vào 951, 958, 959. Vua Indravarman IV gửi quân triều cống Trung Hoa vào năm 99. Vua Paramesvaravarman I nối ngôi, công việc đầu tiên của ông là tỏ ý thân thuộc với vua Tống và thực hiện nhiều lần triều cống vua Tống vào các năm 972, 973, 974, 976, 977, 979. Vua Simhavarman II nối ngôi, làm lễ phong tại Trung Hoa vào năm 1042. Vua Paramesvarman sau khi trừng phạt vùng Panduranga cũng gửi ba sứ giả đến Trung Hoa triều cống. Em trai của Bhadravarman là Rudravarman III nối ngôi vua cũng đến triều cống Trung Hoa vào năm 1062. Vua Indravarman IV lên ngôi và dâng quang triều cống ở Trung Hoa vào 1167. Năm 1453, sứ giả Champa cuối cùng là Kou-Pou-Lo đến Trung Hoa triều cống và cầu xin Trung Hoa giúp giành độc lập...

Kể từ sau thế kỷ XV, khi thành Đồ Bàn, thủ Đô Champa (Vijaya) bị thất thủ trước sự tấn công của Đại Việt, tài liệu Trung Hoa không còn ghi chép về Trung Hoa, vì xem như vương quốc Champa đã diệt vong.

3.2.2. MỐI QUAN HỆ CHAMPA – ĐẠI VIỆT

Trong lịch sử hai dân tộc Champa và Đại Việt có gần 10 (X- XIX) thế kỷ chiến tranh tương tàn. Sau chiến tranh hai dân tộc cùng chung sống hòa bình với nhau nên có diễn ra mối quan hệ giao lưu, ảnh hưởng văn hóa lẫn nhau. Kết quả của sự giao lưu này, không chỉ còn để lại nhiều dấu ấn văn hóa – lịch sử ở miền Trung, nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc Champa mà còn có ở cả miền Bắc Việt Nam. Những dấu ấn này đã được ghi cụ thể trong bộ sử cổ Việt Nam như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam thực lục Tiền Biên*, *Ô Châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Nam nhất thống chí*...

Sự kiện quan trọng đầu tiên mở ra nền độc lập cho Đại Việt thoát khỏi ách đô hộ của Trung Hoa là vào năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Sau khi giành được độc lập Đại Việt bắt đầu mở mang bờ cõi về phương Nam sáp nhập vùng đất Champa vào Đại Việt chính thức vào nửa đầu thế kỷ XIX (1832). Theo đó người Việt di cư từ phía Bắc vào cùng chung sống với người Chăm ở miền Trung, từ đó giữa hai dân tộc Việt - Chăm có sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trên nhiều lĩnh vực, cụ thể như sau:

Các địa danh Chăm – Việt ở miền Trung: Đa số các địa danh ở miền Trung đều có gốc Chăm và bị Việt Hóa như Nhật Nam (gốc tiếng Chăm là *Jenan*), Huế (*Hue*), Châu Ô, châu Lý (*Ulik*), Đà Nẵng (*Danang*), Qui Nhơn (*Sri Binay*), Nha Trang (*Aia Trang*), Phan Rang (*Panduranga*), Phan Thiết (*Hamu Tathit*) (Sakaya 2020b)

Sự lai chủng: Ở miền Trung, từ thế kỷ X-XV, binh lính người Việt kết hôn với phụ nữ Chăm rất phổ biến. Đến nỗi, người Việt sợ mất gốc, mất giống nòi, sợ bị Champa hóa như mô hình Mông-Nguyên ở Trung Hoa nên vua phải ra chiếu. Cụ thể là vào “năm Mậu Ngọ (1498), tháng 8, ngày mùng 9, vua có chiếu rằng: Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu. Đó là theo lời tâu của Hộ khoa đô cấp sự trung Vũ Lộc” (ĐVSKTT 2001 (bản điện tử, Q.XIV): 530). Đến thế kỷ XIX sự lai chủng Chăm – Việt vẫn còn diễn ra, nhiều nhất là ở vùng Bình Thuận. Hiện nay vẫn còn một số làng như Xuân Quang và Xuân Hội (huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) có khoảng 30 ngàn người có gốc cha Việt - mẹ Chăm, thường gọi Kinh cự. Trước thế kỷ XIX trở đi văn hóa Champa nổi trội trong gia đình người Kinh cự, sau thế kỷ XIX đến nay những loại gia đình này bị Việt hóa hoàn toàn.

Văn hóa vật chất: Trong suốt hơn 17 thế kỷ tồn tại (từ thế kỷ II-XIX), Champa – Đại Việt xung đột, chiến tranh liên miên, khi thắng trận, Đại Việt thường bắt tù binh Champa là những cung tâng, mỹ nữ, thợ thủ công, tu sĩ, thầy thuốc về Thăng Long (Hà Nội). Hiện nay nhiều di tích và tù binh, gốc Champa ở Hà Nội vẫn còn nhiều ở các khu dân cư Hà Nội như đình Phú Gia, chùa Bà Già (Phú Gia, Phú Thượng, Tây Hồ), Chùa Chải (Đông Anh, Hà Nội), chùa Chiêm Nhân (Hoàng Mai, Hà Nội), chùa Bà Đanh, Bà Đá, chùa Phật Tích, Chùa Dạm (Bắc Ninh), đặc biệt kinh thành Thăng Long, những nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều bức tượng liên quan đến Champa như tượng đầu Rồng – Makara; tượng chim Phượng – Garuda; tượng Ngõng Hamsa; tượng Hồ phù – Su tử; tượng người múa khăn (đỡ bệ); nữ thần Kinara, những phù điêu lá đề - chim phượng; những phù điêu khắc hoa văn là những cánh sen, bệ sen mang phong cách Bàlamôn giáo - Ấn giáo – Chama. Ngoài những di tích ở Hà Nội, di tích Chăm- Việt còn hiện hữu ở miền Trung như chùa Thiên Mục, tháp Liễu Cốc, Tháp Mỹ Khánh (Huế); Lăng Bà thu Bồn, hệ thống đền tháp Chăm (Đà

Năng, Quảng Nam); đền thờ Po Ina Nagar (đảo Lý Sơn bị Phật Việt hóa ở Quảng Ngãi); tháp Bà (Thiên Y Ana- Nha Trang) ... (Đinh Đức Tiến 2022)

Những di sản văn hóa Champa ở miền Trung và cả vùng Thăng Long - Hà Nội, đã tạo ra sự đột biến về chất, góp phần kiến tạo nên bản sắc văn hóa riêng của Đại Việt thời Lý – Trần, khác biệt đôi chút với văn hóa Trung Hoa.

Về trang phục: Gốc trang phục Việt (Phụ nữ) thường mặc váy, áo tứ thân, khăn mỏ quạ, nón quai thao. Khi Nam Tiến về miền trung, nhất là thời nhà Nguyễn, trang phục phụ nữ người Việt có sự thay đổi, mặc quần hai ống, áo dài xẻ hai tà, đội nón lá bài thơ. Đây là trang phục Việt mới xuất hiện đầu thế kỷ XIX (thời Nguyễn) có sự ảnh hưởng từ trang phục Champa và Trung Hòa.

Về Ẩm thực: Văn minh Việt là văn minh sông nước (sông Hồng), ẩm thực chủ yếu là (com, cá sông và các loại thịt từ chăn nuôi gia súc, gia cầm). Văn minh Champa chủ yếu là phát sinh từ đồng bằng và ven biển, ngoài đặc trưng chung như người Việt, ẩm thực Chăm còn có các loại sản phẩm được chế ra từ các loại cá biển, đặc sắc nhất là các loại nước mắm. Đặc biệt, người Chăm có nghề làm muối ven biển. Sau này khi Nam Tiến, người Việt tiếp nhận kỹ thuật làm nước mắm, làm muối từ người Chăm.

Công cụ sản xuất và phương tiện di chuyển: Người Việt ở Bắc Bộ và Champa ở miền Trung đều cư dân nông nghiệp lúa nước, ngoài những đặc trưng chung, còn có sự khác biệt do môi trường sinh thái chi phối. Người Kinh ở Bắc Bộ chủ yếu do đất có nhiễm vôi, hơi cứng nên thường dùng loại cây chia vôi có một con trâu kéo để xới đất; còn Champa ở miền Trung thường làm ruộng vùng trũng, đất bùn nên thường dùng cày lưỡi to (kiểu cày Ấn Độ) dùng hai con trâu kéo để xới đất. Về sau kỹ thuật cày người Chăm được người Việt tiếp thu và sử dụng phổ biến ở miền Trung. Bên cạnh chiếc cày, kỹ thuật đóng tàu thuyền và dùng ghe bầu để đi biển, đánh bắt hải sản của người Chăm cũng được người Việt tiếp thu và sử dụng đến ngày nay.

Văn hóa tín thần: Trong quá trình giao lưu, người Việt ở miền Trung tiếp thu một số ngôn ngữ Champa như ngôn ngữ chỉ các địa danh như đã trình bày trên; tên các vị thần linh như Thiên Y Ana; tên các vật dùng, phương tiện di chuyển như từ “*ghe/ge*” (tàu/thuyền), từ “*drak*” (sạ/gieo lúa); về văn chương có tác phẩm như *Dạ Thoa Vương*, *Truyện kỳ mạn lục*, *Hà Ô Lôi*, *Bánh chưng*, *bánh dày*; *Trương Chi My Nương*; *Tám Cám*; *Thạch Sanh*, *truyện Hồ Hoàn Kiếm*; *Núi Vọng Phu*; *Thành Lôi*; *Chàng Cuội cung trăng*, *Nữ thần Thiên Y Ana...*” (Thái Văn Kiềm 1960: 181; Phan Đăng Nhật 1976: 48-57 ; Lê Văn Hảo 1979: 48).

Bên ngôn ngữ, người Việt còn tiếp thu từ tục thờ thần của người Chăm như tục thờ thánh mẫu Thiên Y Ana ở tháp bà Nha Trang, điện Hòn Chén (Huế), đền thờ Bà đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) và Hòn Bà (đảo Phú Quý, Bình Thuận); tục thờ thần cá biển (cá Ông); tục thờ biển qua lễ hát Bả Trào ở vùng ven biển miền Trung

Về ca múa nhạc truyền thống: Vấn đề này tư liệu lịch sử chép nhiều, trước thế kỷ XV trở đi, trong quá trình Nam Tiến, khi thắng trận, Đại Việt thường bắt những cung tần, mỹ nữ, nhạc công ... về xứ Bắc phục vụ vua chúa Đại Việt. Cụ thể hơn Sử Việt chép: Vào năm 1044 "mùa thu, tháng 7, vua đem quân thành Phật Thệ, bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đầu và các cung nữ kẻ nào giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên". Sau đó vua Lý dựng hẳn một cung điện cho họ cư ngụ. Nhờ đó đã đưa lại cho âm nhạc ca vũ cung đình Việt một màu sắc mới (ĐVSKTT 2001, Sdd). Sử chép vào năm 1060, thời Lý Thánh Tông "phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca

hát"; ít nhất trong bộ gõ của nhạc cụ cổ truyền, trống cơm có nguồn gốc từ Chiêm Thành. Hiện nay ở chùa Phật Tích (Bắc Ninh) vẫn còn tượng Kanari bằng đá có mang trống cơm trước ngực biểu diễn. Đến thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072) thì "vua thân phiên dịch nhạc khúc và tiết cổ âm của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát". Tháng 8, Mậu Tuất [1058], vua cho "phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát" (ĐVSKTT 2001, Sdd). Ở miền Trung, cụ thể vào thế kỷ XV vùng Bình Định (thành Chà Bàn –Vijaya), Đại Việt đã xâm chiếm. Nơi đây hiện còn phổ biến nghệ thuật hát bội, nghệ thuật này khác với tuồng chèo, khác với cải lương của người Việt nhưng cung cách biểu diễn từ trang phục, nhạc cụ, hóa trang, mặt nạ rất giống những diễn viên, nhạc công biểu diễn, nhạc Lâm Ấp (Rinyugaku) ở Nhật Bản vào thế kỷ VII (Thái Văn Kiểm 1960: 187). Đầu thế kỷ XIX, thời Gia Long (Nguyễn Ánh), sau khi bình định xong Champa, nhà Nguyễn hay đưa người Chăm ở vùng Panduranga (Ninh Thuận và Bình Thuận) ra cung đình Huế diễn kịch, múa hát điệu múa Raja Prong phục vụ vua chúa nhà Nguyễn (Trương Văn Món và Thông Thanh Khánh 2014).

Trải qua hơn XVII thế kỷ tồn tại (từ thế kỷ II - XIX) trong lịch sử, Champa đã để lại nhiều dấu ấn trong lòng văn hóa Việt không chỉ có ở miền Trung từ Bình Thuận đến Nghệ An mà còn lan tỏa ra phía Bắc, tận Thăng Long (Hà Nội). Trong quá trình tiếp xúc giữa Champa và Đại Việt đã xảy ra hiện tượng tiếp biến trên nhiều phương diện: Tiếp biến về lịch sử, nhân chủng, địa danh (tên đất, tên vùng) và mạnh nhất là tiếp biến về văn hóa. Tất cả những yếu tố Champa đã hòa quyện vào nhau, tạo nên bản sắc văn hóa riêng của người Việt, góp phần quan trọng làm phai nhạt dần yếu tố Trung Hoa trong văn hóa Đại Việt ở Thăng Long thời Lý – Trần và nhất là ở vùng miền Trung Việt Nam từ thế kỷ X-XIX. Ngược lại, ngày nay trong quá trình chung sống với người Việt bắt đầu từ đầu thế kỷ XX, văn hóa Việt lan tỏa mạnh ảnh hưởng mạnh đến văn hóa Champa trên tất cả bình diện từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần. Trong tương lai không xa, nếu người gốc Champa (Chăm, Raglai, Churu, Êđê, Jarai...) không ý thức bảo tồn văn hóa của chính họ thì sẽ bị Việt hóa.

3.2.3. MỐI QUAN HỆ CHAMPA VÀ ẨM ĐỘ GIÁO

Nhiều tài liệu lịch sử viết, Ấn Độ đã có kết nối giao thương với các quốc gia Mã Lai – Đa Đảo qua Vịnh Bengal và ngược lại. Từ con đường này nền văn minh Ấn Độ lan tỏa khắp các nước viễn đông (R-C. Majumda 1927: 20). Đến nay có thể nhận thấy, ngay từ đầu Công nguyên Champa - Ấn Độ đã có tiếp xúc với nhau. Đến kỷ II, văn hóa Ấn Độ xuất hiện ở Champa, bằng chứng là bia Võ Cạnh (Nha Trang, Khánh Hòa) viết bằng chữ Sanskrit, ghi vua đầu tiên của Champa là Sri Mara theo tên Ấn Độ. Kể từ đó đến thế kỷ XV, vương quốc Champa bị Ấn Độ hóa hoàn toàn được thể hiện từ tên vua, vương hiệu, nghi thức lên ngôi vua; mô hình tổ chức nhà nước, xã hội; sự phân chia giai cấp; cách dùng chữ viết Sanskrit trong sinh hoạt cung đình và tôn giáo; nghi thức cúng tế đền tháp; hệ thống thần linh và cho đến các tên đất, tên vùng cơ bản của đất nước đều theo kiểu Ấn Độ (P. Mus 1975: vii-xv; và R.C Majumdar 1895: 19-34). Hiện nay, ở Ninh Thuận và Bình Thuận vẫn còn nhóm Chăm Ahiér ảnh hưởng Ấn giáo như đã trình bày trên. Sau thế kỷ XV, nền văn minh Ấn Độ bị suy tàn ở Champa, chỉ còn lại như là tàn dư. Từ đó nhóm Chăm này thu nạp thêm nền văn minh Islam giáo để sáng tạo nền văn minh mới, gọi là văn minh Champa – vùng Panduranga (Ninh Thuận và Bình Thuận hiện nay) (Sakaya 2020a).

3.2.4. MỐI QUAN HỆ CHAMPA VỚI CỘNG ĐỒNG ISLAM GIÁO VÀ CÁC QUỐC GIA KHU VỰC

3.2.4.1. Mối quan hệ Champa và Mã Lai (Malaysia ngày nay)

Islam du nhập vào Champa rất sớm, bắt đầu từ thế kỷ X và đến thế kỷ XV mới phổ biến. Islam du nhập vào Champa qua nhiều ngã đường khác nhau, từ Ả Rập và Mã Lai vào Champa bằng đường biển (biển Đông) và từ Campuchia vào Champa qua ngã đường bộ. Cho đến nay cộng đồng Chăm Islam ở Nam Bộ vẫn còn giữ mối quan hệ với các quốc gia này.

Về mặt lịch sử, bên cạnh Ả Rập, người Mã Lai đóng vai quan trọng trong việc truyền bá Islam giáo vào Champa. Đầu tiên nhận thấy, giữa Champa và Mã Lai là hai dân tộc đồng văn, đồng chủng. Sau thế kỷ XV, đọc qua nhiều văn bản Chăm còn lưu cho ta thấy hầu hết vua, tướng lĩnh Chăm vùng Panduranga (Ninh Thuận và Bình Thuận) như Po Romé, Po Tang Ahaok, Po Haniim Par... khi lên ngôi đều đến thánh địa Makah-Kelantan (Mã Lai) để học đạo (Sakaya 2014b: 359 - 371). Theo đó văn hóa Mã Lai cũng ảnh hưởng đến Champa trong nhiều lĩnh vực như văn chương (tiêu biểu là tác phẩm Akayét Dewa Mano và Indra Patra); hệ thống lễ Rija, tiêu biểu là lễ Raja Praong; nhạc cụ và cả trang phục...

Về sinh hoạt tôn giáo, hành hương (Hajid) đến thánh địa Makkah (Mecca- Ả Rập) là niềm mơ ước trong đời của các tín đồ Islam giáo nhưng Mecca - Ả Rập lại quá xa xôi đối với người xưa và đòi hỏi nhiều điều kiện. Vì thế, ngày xưa các tín đồ Islam giáo ở Đông Nam Á nói chung và tín đồ Chăm Islam giáo nói riêng thường đến thánh địa Mecca ở Kelantan - Mã Lai để hành hương. Nơi đây được xem là "mái hiên của thánh địa Islam giáo", có vị trí quan trọng thứ hai sau thánh địa Mecca- Ả Rập. Trong suốt thế kỷ XVIII -XIX, hầu hết các vua, tướng lĩnh Champa đều hành hương đến thánh địa Kelantan - Mã Lai. Từ truyền thống này, cho đến nay người Chăm Islam giáo Việt Nam nếu có điều kiện thường hay chọn, ưu tiên đến Mã Lai để hành đạo và học đạo. Nếu tín đồ nào giàu có hơn hoặc có tiền tài trợ họ mới hành hương (Haji) đến Mecca- Ả Rập (Sakaya 2013, 2018).

Một yếu tố khác cũng đóng vai trò quan trọng là giữa người Chăm và người Mã Lai có cùng nhóm gia đình ngôn ngữ Mã Lai – Đa Đảo. Điều này rất thuận lợi cho người Chăm và Mã Lai trong việc giao tiếp. Nhiều trí thức Islam giáo học tiếng Mã Lai (Melayu), dùng chữ Jawi (loại chữ Ả Rập được người Mã Lai và Indonesia dùng) để xây dựng chữ Jawi – Chăm. Hiện nay loại chữ này rất thông dụng cho cộng đồng Islam giáo Nam Bộ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến người Chăm Islam ở Việt Nam, Campuchia và cả người Mã Lai hòa nhập vào nhau rất nhanh, tạo thành khối Islam giáo vững chắc.

Mặt khác, do sự đồng văn, đồng chủng nên việc học đạo, hành đạo và hành hương của người Chăm và Mã Lai rất dễ tìm đến tiếng nói chung. Đây cũng là điều kiện, môi trường để người Chăm và Mã Lai gặp gỡ, thường xuyên tiếp xúc với nhau dẫn đến có quan hệ hôn nhân. Trong lịch sử cũng đã ghi nhận câu chuyện về các cuộc hôn nhân giữa vua chúa Champa là Po Rome và công chúa Kalentan – Mã Lai. Về sau, tính đến 2016 đã có hàng trăm cặp hôn nhân giữa người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ với người Mã Lai ở Mã Lai (Sakaya 2022a).

Về kinh tế, theo thống kê, điều tra hiện nay ở Malaysia có khoảng hơn 10 ngàn người Chăm sinh sống ở 38 làng thuộc 13 tỉnh và 4 thành phố như là ở tiểu bang Selangor, Perak, Wilayah, Persekutuan, Kedah, Perlis, Kelantan, Terengganu Pahang, Melaka, Negari Sembilan, Johor. Họ chủ yếu làm nghề buôn bán vải, quần áo, còn lại một số ít làm công nhân ở các xí nghiệp và nghề thủ công khác (Nabir HJ. Abudullah and Mohamad Zain Bin Musa 2005: 103-115)

3.2.4.2. QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG ISLAM GIÁO Ả RẬP

Chăm Islam giáo ở Việt Nam có mối quan hệ với một số quốc gia Ả Rập. Ngay từ thế kỷ X, tư liệu Trung Quốc có ghi nhận sự xuất hiện người Ả Rập đã truyền đạo Islam đến Champa vào thế kỷ X. Về sau các nhà khoa học cũng đã tìm thấy hai bia mộ ở vùng biển Champa ở Phan Rang có liên quan đến Islam có niên đại thế kỷ XI (P. Ravaisse 1922: 247-289; P-Y. Manguin 1979: 10; Zakaria Ali 1994: 25). Theo đó văn hóa Ả Rập cũng xuất hiện ở Champa, nổi bật nhất là tác phẩm Akayet Um Marup nói về quá trình Islam du nhập vào cung đình Champa. Bên cạnh đó, Champa còn dùng chữ Ả Rập kết hợp với chữ Chăm để sáng tạo ra bộ chữ mới gọi là chữ Bini của nhóm Chăm Awal và chữ Jawi của nhóm Chăm Islam. Cả hai loại chữ này được người Chăm dùng để chép kinh Qur'an. Văn hóa Islam - Ả Rập còn ảnh hưởng đến di sản văn hóa- Champa như lịch pháp (Sakawi), cơ sở thờ tự như thánh đường (sang maik/masjd); hàng ngũ chức sắc tu sĩ (Acar, Hakem, Imam, Khotip), các nghi lễ vòng đời người (lễ Katat, Kareh) và lễ Ramawan/Ramadan...

Cho đến nay, mối quan hệ giữa Champa, chủ yếu Chăm Islam ở Nam Bộ với Ả Rập, đặc biệt là Araq Saudi vẫn còn tiếp diễn. Tính từ năm 2001 đến nay có khoảng 500 người Chăm Islam giáo hành hương đến thánh địa Mecca - Ả Rập. Trong đó một số người hành hương được sự tài trợ của Hoàng gia Araq Saudi và Tiểu vương Ả Rập thống nhất (Phú Văn Hãn 2018, Sđd) và một số hành hương đi theo diện tự túc kinh phí cá nhân. Con số hành hương bằng kinh phí tự túc cá nhân ngày càng tăng, điển hình trong năm 2016 có đến 171 người.² Riêng ở Ninh Thuận, tính từ năm 2001 đến nay có khoảng 90 người Chăm Islam giáo hành hương đến Mecca - Ả Rập³.

3.2.4.3. MỐI QUAN HỆ CHAMPA VÀ CÁC QUỐC GIA KHÁC

Ngoài quan hệ với Mã Lai và Ả Rập, cho đến nay người Chăm vẫn còn có quan hệ mật thiết với Chăm Islam ở Indonesia, Campuchia, Thái Lan. Sự kiện thế kỷ XIII, vua Champa là Indravarman III kết hôn với công chúa Parmesvari của Java (Indonesia ngày nay) đẩy hai quốc gia này gần gũi nhau hơn. Thời điểm này nhà khoa học cho biết Champa đã truyền bá Islam giáo đến Java đầu tiên, triều đại Majapahit. Hiện nay ở Indonesia vẫn còn di tích thánh đường do Champa xây dựng (P-Y. Manguin 1979: 255- 287).

Đối với Campuchia, sau một thời kỳ chiến tranh đẫm máu với Champa từ thế kỷ XI -XIII, sau đó hai quốc gia này trở thành thân thiện. Về sau, Campuchia trở thành một trong những vùng đất an cư an toàn cho người Chăm. Lịch sử đã ghi nhận, ở nhiều thế kỷ khác nhau, người Chăm đã từng trốn thoát Đại Việt ở đến sinh sống trên đất Campuchia. Cụ thể từ thế kỷ XV-XVI, sau khi thất bại từ cuộc chiến tranh với Đại Việt thì có khoảng hơn 80 ngàn người Chăm trốn thoát sang Campuchia mà vùng Kompong Cham là nơi người Chăm sinh sống tập trung đông nhất (Nguyễn Văn Luận, 1974).

Tuy nhiên, thời nhà Nguyễn khi Campuchia xảy ra chiến tranh với Thái Lan, để tránh sự đàn áp của Thái Lan, người Chăm từ Campuchia lại trốn thoát về An Giang (Việt Nam) sinh sống đến nay. Người Chăm còn lại trên đất Campuchia bị Pol Pot giết hại khoảng 500.000, hiện nay còn lại

² Nguồn: do Ông Abdul Halim và Abdul Hamid, hai trưởng đoàn hướng dẫn người hành hương Việt Nam cung cấp.

³ Nguồn: do Ban đại diện Cộng đồng Islam giáo Ninh Thuận cung cấp ngày 13/07/2016.

chưa đến 200.000 người. Họ sống rải rác ở 372 làng của 17 tỉnh và 4 thành phố ở Campuchia (H-J. Abudullah and Mohamad Zain Bin Musa 2005: 193; Betti Rosita & Yekti Maunati 2012: 31-32). Hậu quả của sự diệt chủng của chế độ Pol Pot đã làm cho người Chăm Islam giáo Campuchia phải bỏ làng ra đi trốn thoát nạn diệt chủng đến sinh sống ở Mã Lai, Thái Lan và một số tỉnh ở Việt Nam như Tây Ninh và Đồng Nai. Hiện nay người Chăm Islam ở Nam Bộ vẫn còn qua lại giao lưu, làm ăn kinh tế với người Chăm, người Khmer ở Campuchia, chủ yếu qua đường sông Cửu Long.

Ở Thái Lan, ngoài tiểu bang Pattani (miền Nam Thái Lan), người Chăm Islam còn sinh sống một làng Ban Khrua ở thủ đô Bangkok. Làng này có ba thánh đường dùng cho ba dân tộc Chăm, Mã Lai, Lào hoặc Hoa. Những trung tâm Islam giáo trên đất Thái Lan đều có quan hệ ít nhiều với cộng đồng Chăm Islam giáo ở Nam Bộ. Người Chăm cũng thường sang Thái Lan học kinh *Qur'an* hoặc học tập ở College Islam giáo ở tỉnh Jala.

Nói chung, hiện nay, mối quan hệ giữa Chăm Islam ở Nam Bộ và cộng đồng Chăm ở các nước Ả Rập, Mã Lai, Indonesia, Campuchia, Thái Lan vẫn còn tiếp diễn. Việc giao lưu kinh tế, buôn bán, qua lại giữa Chăm Islam Nam Bộ và Campuchia, Mã Lai ngày càng thường xuyên hơn. Ngoài kinh tế, họ còn thường xuyên cử người tham gia hội nghị, diễn đàn, hội thi kinh Qur'an ở các nước trên. Các quốc gia trên cũng thường tài trợ kinh phí cho Chăm Islam ở Nam Bộ xây dựng thánh đường, kinh phí hành hương (haji) cấp học bổng cho sinh viên du học trường Islam Quốc tế ở Indonesia, Mã Lai và Ả Rập ngày càng nhiều.

4. TIỂU KẾT

Trải qua quá trình hình thành và phát triển hơn 17 thế kỷ ở miền Trung Việt Nam, người Chăm đã sáng tạo ra một nền văn hóa phong phú, đặc sắc. Do địa hình Champa ở miền Trung đa dạng nên đã tạo ra những những nhóm Chăm cư trú ở những vùng khác nhau và mỗi nhóm Chăm đều có bản sắc văn hóa riêng. Nhìn tổng thể hiện nay người Chăm có 4 nhóm: Nhóm Chăm Jat (Chăm gốc), Chăm Ahier (ảnh hưởng Balamôn), Chăm BaniAwal (nhóm Chăm ảnh hưởng Islam) sinh sống ở Ninh Thuận và Bình Thuận và nhóm Chăm Islam chủ yếu sinh sống ở Nam Bộ. Bốn nhóm Chăm đã để lại di sản văn hóa đặc sắc nổi bật nhất là 250 đền tháp và hơn 85 nghi lễ, hội hè (nổi bật là lễ hội Katé) của người Chăm Ahier; gần 100 thánh đường (*sang magik/masjid*) và những nghi lễ, hội hè khác nhau (nổi bật là lễ Ramawan/Ramadan) của người Chăm Bani/Awal và Chăm Islam. Những di sản này đang đóng góp làm phong phú di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình tồn tại, cho đến nay, Champa có mối quan hệ đa chiều. Ngoài mối quan hệ giữa nhóm tôn giáo, tín ngưỡng trong cộng đồng Chăm với nhau, còn có mối quan hệ với các dân tộc, quốc gia khác trong khu vực như Trung Hoa, Đại Việt, Ả Rập, Mã Lai, Indonesia, Campuchia (Khmer), Thái Lan ... Trong tất cả các mối quan hệ này, tùy thuộc vào từng thời điểm lịch sử, tùy từng lúc, từng nơi mà mối quan hệ giữa họ diễn ra với sắc thái khác nhau. Có mối quan hệ đã có thời xa xưa do quan hệ huyết thống, dòng tộc như mối quan hệ giữa cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Việt Nam với cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Campuchia. Có mối quan hệ được hình thành do có sự gắn kết từ lâu đời, xuyên suốt trong quá trình lịch sử; giữa họ có sự đồng văn, đồng chủng (cùng hệ ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo) như quan hệ giữa cộng đồng Chăm Islam giáo ở Việt Nam với Malaysia và Indonesia. Có những mối quan hệ khác chỉ thuần về tôn giáo như mối quan hệ giữa người Chăm Islam giáo ở Việt Nam và các quốc gia có nhóm tín đồ Islam giáo sinh sống như ở Ả Rập, Kuwait, Pakistan, Lào, Ấn Độ, Nam Phi...

Trong tất cả mối quan hệ đó, mối quan hệ giữa người Chăm và người Mã Lai là bền chặt và lâu dài, ổn định nhất trong lịch sử, còn các mối quan hệ khác phụ thuộc vào thời điểm lịch sử khác nhau, có khi liên tục, có khi đứt gãy. Hy vọng trong bối cảnh hiện nay giữa người Chăm Islam giáo Việt Nam và cộng đồng tôn giáo Islam trên thế giới sẽ tiếp tục quan hệ tốt, tìm hiểu đối tác sâu rộng hơn và phát bền vững. Riêng cộng đồng Chăm Islam giáo ở Việt Nam trong quá trình hội nhập hiện nay làm sao để phát triển cho phù hợp với truyền thống dân tộc, với giáo lý Islam giáo và xu thế phát triển chung của nền văn minh nhân loại.

Toàn cầu hóa nói chung và Islam giáo hóa nói riêng, trong quá trình hội nhập hiện nay không phải tiến đến sự nhất thể, đồng hóa mà hãy nên tôn trọng mọi nền văn hóa, tôn giáo khác nhau, chấp nhận sự khác biệt để cùng tồn tại trong ngôi nhà chung. Trong đó, truyền thống văn hóa, yếu tố địa phương là nhân tố quan trọng, quyết định để tạo nên sự khác biệt, từ đó mới có thể giữ gìn được sắc thái văn hóa, tôn giáo của mỗi dân tộc trước bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Alan, Barnard. 2015. *Lịch sử và lý thuyết nhân học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Baaren, Van Th (Trịnh Huy Hoá dịch). 2001. *Hồi giáo. Thành phố Hồ Chí Minh*: NXB Trẻ.
- Betti, Rosita & Yekti Maunati. 2012. *Cham diaspora in Southeast Asia: History of migration and construction of identity (the case of Malaysia)*, Jakatar: Indonesia Institute of Sciences, PT. Gading Inti Prima (anggota IKPI).
- Bùi, Khánh Thế. 1995. *Từ Điển Chăm – Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội
- Đình, Đức Tiên. 2022. “Giao lưu văn hóa Việt – Chăm ở Miền Trung Việt Nam”, trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Thương cảng Hội An và Hệ thống thương cảng Nam Trung Bộ, *Tiềm năng, vị thế và các mối giao lưu vùng, liên vùng*, Đại học KHXH Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, Đại học Văn hóa Hà Nội, Thành phố Hội An 11/2022, tr. 369-382.
- Étienne, Aymonier. 1891. *Les Tchames et Luers Religions*. Paris: Leroux.
- Geetesh, Shamar, 2011, *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam* (Thích Trí Minh dịch), Nxb Văn hóa văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Geroges, Maspero. 1920. *Vương Quốc Champa*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội .
- Geroges, Maspero. 1928. *Le Royaume de Champa*. Paris: Van Oest publishing.
- Inrasara, 1996. “Um Marup”. *Văn học II* (Trường Ca), Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- J, Gonda. 1973. *Dictionnaire: Sanskrit in Indonesia*, International Academy of India Culture, New Delhi.
- Lê, Văn Hào. 1979. "Tìm hiểu quan hệ giao lưu văn hóa Việt Chăm qua kho tàng văn nghệ dân gian của người Việt và người Chăm". *Tạp chí Dân tộc học* (số 1), tr. 48 - 56.
- William James, Durand. 1903. “Le Cham Bani”, in *BEFEO III*, pp. 54-62.
- Nguyễn, Đình Khoa. 1983. *Nhân chủng học Đông Nam Á*, Hà Nội: NXB Đại học & Trung học Chuyên nghiệp.
- Nguyễn, Hữu Thông. 2003. *Tổng thư mục Champa. Huế*: NXB. Thuận Hóa.
- Nguyễn, Văn Luận. 1974. *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần*, Sài Gòn: Bộ Giáo dục Thanh Niên.

- Nhiều tác giả. 2006. *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- P, Mus. 1975. “India seen from the East: India and indigenous cults in Champa” (Translated from the French by I. W.Mabbett), Monash Paper on Southeast, No.3.
- P, Ravaisse. 1922. “Deux inscriptions coufiques du Campa”, in *Journal Asiatique* XX, pp. 247-289.
- Phan, Đăng Nhật. 1976. “Sự gắn bó Việt Chăm qua một số truyện dân gian”. *Tạp chí Văn học*. số 5, tr.48-57.
- Phan, Đăng Nhật. 2017. *Đại cương lịch sử nhà Mạc và Khái lược văn hóa các dân tộc Việt Nam*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- Phú, Văn Hãn (Chủ biên) và Các tác giả. 2005b. *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm thành phố Hồ Chí Minh*, Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Phú, Văn Hãn. 2013. *Văn hóa người Chăm thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Văn hóa dân tộc.
- Phú, Văn Hãn. 2018. “Quan hệ cộng đồng Chăm vùng Tây Nam Bộ trong hội nhập khu vực Đông Nam Á”. *Nhân học & Cuộc sống*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr 285-295.
- Pierre- Bernard, Lafont et Po Dharma.1989. *Bibliographie Campaet Cam*. Paris: En collaboration avec, L'Harmattan
- Pierre- Bernard, Lafont. 2011. *Vương Quốc Champap: Địa dư, dân cư và Lịch sử*. San Jose – California: USA: International Office of Champa,
- Po Dharma, Nicolas Weber, Abdullah Zakaria Bin Ghazali. 2007. *Akayet Um Marup*. Kuala Lumpur: KKK dan Warisan Malaysia, EFEO.
- P-Y, Manguin. 1979. “L'introduction de l'Islam giáo au Campa” (Translated in English by Robert Nicholl), *BEFEO*. Vol. LXVI, pp. 255- 287.
- R.C, Majumdar. 1963. *Champa, History and Culture of an Indian colonial Kingdom in the Far East 2 ND -16th century A.D* (Book I, II, III), Delhi: Gian Publishing House 29/6 Sakati Nagar.
- Robert, Layton. 2007. *Nhập môn lý thuyết nhân học*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Sakaya (Chủ biên). 2014b. *Nghệ thuật ca múa nhạc Chăm trong thời kỳ hội nhập hiện nay*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Sakaya, 2016b, "Yếu tố bản địa, Bàlamôn giáo và Islam giáo trong tôn giáo của người Chăm Ahiér qua bộ kinh Lá buông (Agal Bac) mới phát hiện", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 01 (151), tr. 86-100.
- Sakaya. 2008. "Sự biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo Chăm ở Việt Nam", in *The Change of Religion and Belief in Vietnam present day* (Supported by Institute of HARVARD YENCHING). Hà Nội: The Gioi Publishing House, , pp. 131-173.
- Sakaya. 2012. *Nghề dệt cổ truyền của người Chăm*. Hà Nội: Nxb Tri thức.
- Sakaya. 2013. *Tiếp cận một số vấn đề về văn hóa Champa* (Approach some problems of Champa culture). Hà Nội: Nxb Tri thức.
- Sakaya. 2014a. *Lễ hội của người Chăm*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

- Sakaya. 2015. "Dấu ấn tôn giáo Islam trong văn hóa Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận". *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 01 (139). tr. 73-84
- Sakaya. 2016a. *Lịch pháp của người Chăm*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Sakaya. 2017a. *Từ điển Chăm - Việt – Anh, Việt- Chăm- Anh*, Hà Nội: Nxb Tri thức.
- Sakaya. 2017b. "Chức năng tôn giáo của Hội đồng tôn giáo truyền thống người Chăm ở Ninh Thuận qua nghi lễ Suk Yeng - Nhìn từ lý thuyết Chức năng - Cấu trúc". *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1&2, 2017, tr.3 - 4.
- Sakaya. 2017c. " Tư duy lưỡng hợp trong nền văn hóa Chăm - Thử nhìn từ lý thuyết cấu trúc của Claude Lévi - Strauss". *Tạp chí Nguồn sáng Dân gian*, Hội VNDG Việt Nam. số 4/2017, tr. 85-88.
- Sakaya. 2019. "Dấu ấn văn hóa Ả Rập trong văn hóa Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay". *Nhân học & Cuộc sống*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. tr. 213-216.
- Sakaya. 2020a. *Tiếp cận một số vấn đề về văn hóa Champa*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Sakaya. 2020b. *Từ điển địa danh Việt và các dân tộc thiểu số ở phía Nam*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Thái, Văn Kiêm. 1960. "Ảnh hưởng Chiêm Thành trong nền văn hóa Việt Nam". *Văn hóa Á Châu*, số 1/1960.
- Trương, Văn Món - Thông Thanh Khánh (đồng chủ biên). 2014. *Nghệ thuật ca múa nhạc Chăm*. NXB Tri thức.
- Từ điển *English – Malay Dictionary*. 2004. Peladuk, Publications.
- Vương, Xuân Tình. 2018. "Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của người Chăm vùng Nam Bộ". *Nhân học & Cuộc sống*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr 260 -284.
- Will, Durant (Nguyễn Hiến Lê dịch). 2004. *Lịch sử Văn minh Ả Rập*. Trung tâm thông tin Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Zakaria Ali. 1994. *Islam Art of Champa in Southeast Asia" 830AD – 1570*. Kuala Lumpur Dewan Bahasa dan Pustaka - ministry of Education Malaysia.
- Thư tịch Việt Nam**
- Đại Nam Nhất thống chí*. 1964. Quyển X-XI (Phần tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa). Sài Gòn: Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản
- Đại Nam Thực lục tiền biên*.1962. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Đại Việt địa dư toàn diện*(Nguyễn Văn Siêu). 1997. Hà Nội: Viện Sử học và Nxb Văn hóa.
- Đại Việt sử ký toàn thư* (Tập II). 1971. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Đại Việt sử ký toàn thư* (Tập III), 1972. Tập III, Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Ô Châu Cận Lục. 1955. Bản dịch khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Văn bản Chăm**
- VMST.18.**
- Krân ka Po Kuk Awluah Huh, Awluah Mohamat, Po Bar Gana*
(Tiểu sử các vị thần *Po - Kuk Awluah Huh, Awluah Mohamat, Po Bar Gana...*)
- Krân ka danak Po Ina Nagar Taha*
(Tiểu sử *Po Ina Nagar*)
- Krân gah jalan asulam*
(Tìm hiểu về Islam giáo....)

VMST.19:

Krân ka Po Kuk Ulahuk, Awluah, Mohamat, Po Bar Gana

(Nguồn gốc ra đời của các vị thần)

HÌNH ẢNH MINH HỌA

Tháp Po Rome – Chăm Ahier (thế kỷ XVII) (Phan Rang - Ninh Thuận), Ảnh VM, 2014).



Múa trong ngày hội Katé của Chăm Ahier tại tháp Po Klaong Garai (thế kỷ XIV)
(Phan Rang - Ninh Thuận), Ảnh VM, 2014



Thánh đường Chăm Islam (Xuân Lộc-Đồng Nai) (Ảnh VM, 2023)



Tín đồ Chăm Islam cầu nguyện ngày thứ Sáu tại thánh đường Masjid Jamiul Muwahidin (Quận, 9, TP.HCM), Ảnh VM, 2023)

